

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025  
Ho Chi Minh City, July 29th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF  
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
**To:** - The State Securities Commission  
- The HaNoi Stock Exchange

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Name of organization: Masan MEATLife Corporation

Mã cổ phiếu: **MML**

Stock code: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Phone: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: [www.masanmeatlife.com.vn](http://www.masanmeatlife.com.vn)

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Type of information disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Upon Request ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp (Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).**

Disclosed information content: Periodic Report on the Status of Principal and Interest Payments for Corporate Bonds (Reporting period from January 1, 2025 to June 30, 2025).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/07/2025 tại đường dẫn: [https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang\\_ui=vn](https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn)

*This information was published on the Company's website on July 29th, 2025, at the following link:*  
[https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang\\_ui=en](https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=en)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**  
**REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE**  
**CORPORATION**

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin  
*Authorized person for information disclosure*



**ĐỖ THỊ THU NGÀ**  
**Giám Đốc Pháp Lý**  
***Legal Director***

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE  
MASAN MEATLIFE CORPORATION

\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

Ho Chi Minh City, day 29 month 7 year 2025

## BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

## PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments  
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to 30/06/2025)  
Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| T<br>T<br>N<br>o | Mã chứng<br>khoán<br>Securities<br>code | Kỳ<br>hạn<br>Period          | Ngày phát<br>hành<br>Issue date | Ngày đáo<br>hạn<br>Maturity | Số dư<br>đầu kỳ<br>Opening balance |                 | Thanh toán<br>trong kỳ<br>Payment during<br>the period |                 | Dư nợ<br>cuối kỳ<br>Closing balance |                 |
|------------------|-----------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
|                  |                                         |                              |                                 |                             | Gốc<br>Principal                   | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                                       | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                    | Lãi<br>Interest |
| 1                | MML1210<br>21                           | 60<br>tháng<br>/60<br>months | 26/08/2021                      | 26/08/2026                  | 1.999,98                           | 60,14           | 0,00                                                   | 86,45           | 1.999,98                            | 58,73           |

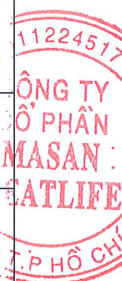
II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the  
type of investors  
(Kỳ báo cáo từ 12/08/2024 đến ngày 12/02/2025 / Reporting period from 12/08/2024 to 12/02/2025) \*\*  
Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| Loại Nhà đầu tư<br>Type of investors                | Dư nợ đầu kỳ<br>Opening balance |                               | Thay đổi trong kỳ<br>Changes during the<br>period |                               | Dư nợ cuối kỳ<br>Closing balance |                               |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
|                                                     | Giá trị<br>Value                | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) | Giá trị<br>Value                                  | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) | Giá trị<br>Value                 | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) |
| I.Nhà đầu tư trong<br>nước/Domestic investors       |                                 |                               |                                                   |                               |                                  |                               |
| 1.Nhà đầu tư có tổ chức/<br>Institutional investors |                                 |                               |                                                   |                               |                                  |                               |

|                                                          |                 |               |             |             |                 |               |
|----------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------|-------------|-----------------|---------------|
| a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>         | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>                  | 1.403,34        | 70,17         | -156,40     | -7,82       | 1.246,94        | 62,35         |
| c) Công ty chứng khoán / <i>Securities companies</i>     | 0,26            | 0,01          | -0,20       | -0,01       | 0,06            | 0,00          |
| d) Công ty Bảo hiểm / <i>Insurance companies</i>         | 276,78          | 13,84         | 4,00        | 0,20        | 280,78          | 14,04         |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>          | 251,72          | 12,59         | 152,40      | 7,62        | 404,12          | 20,21         |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>       | 67,63           | 3,38          | -0,06       | 0,00        | 67,57           | 3,38          |
| <b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/<i>Foreign investors</i></b> |                 |               |             |             |                 |               |
| 1.Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>  |                 |               |             |             |                 |               |
| a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>         | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>                   | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>      | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>          | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>          | 0,24            | 0,01          | 0,22        | 0,01        | 0,46            | 0,02          |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>       | 0,01            | 0,00          | 0,04        | 0,00        | 0,05            | 0,00          |
| <b>Tổng/ Total</b>                                       | <b>1.999,98</b> | <b>100,00</b> | <b>0,00</b> | <b>0,00</b> | <b>1.999,98</b> | <b>100,00</b> |

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 12/08/2024 và ngày 12/02/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu để thực hiện thanh toán lãi trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ 12/08/2024 and 12/02/2025 are the record dates for bondholders to receive interest payments at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.



- Như trên/ As above;

- Liu DN/ For company records.

NGUYỄN QUỐC TRUNG

**Tổng Giám đốc/GD**

